

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2022/DS – PT**

Ngày 24 – 10 – 2022;

Về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Dũng**.

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Hữu Thịnh**,

ông **Võ Minh Diệp**.

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Thành Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà **Trần Thị Thanh Bắc** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 và ngày 24 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2022/TLPT - DS ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2022/DS - ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2022/QĐ - PT ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà **Phạm Thị H**, sinh năm 19XX;

Địa chỉ: Khối phố Y, phường X, thành phố K, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 19YY; địa chỉ: Số XX Phan Châu T, thành phố K, tỉnh Quảng Nam (*văn bản ủy quyền lập ngày 27 tháng 4 năm 2021*).

- *Bị đơn:* bà **Cao Thị Song Ng**, sinh năm 19YY;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Lê Thanh T, sinh năm 19XX;

Cùng địa chỉ: Số XYZ đường V, thành phố K, tỉnh Quảng Nam.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn **Phạm Thị H**.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt; đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại cấp sơ thẩm, bà Phạm Thị H khởi kiện, xuất trình các “*giấy mượn tiền*” lập ngày 14 tháng 2 năm 2018 (400.000.000 đồng) và ngày 01 tháng 11 năm 2018 (500.000.000 đồng) để yêu cầu bà Cao Thị Song Ng thanh toán số nợ vay chưa trả là 700.000.000 đồng trong tổng số tiền đã vay 900.000.000 đồng và trả lãi 10%/năm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đến khi xét xử.

Bà Cao Thị Song Ng thừa nhận có vay của bà Phạm Thị H nhiều lần, thừa nhận các khoản nợ thể hiện trong các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình nhưng cho rằng đã trả nợ cho bà H bằng hình thức chuyển trả qua tài khoản Techcombank số tiền 460.000.000 đồng, chuyển trả qua tài khoản Agribank số tiền 65.000.000 đồng, trả tiền mặt 225.000.000 đồng, và trả riêng 200.000.000 đồng vào ngày 12 tháng 10

(ngày 04 tháng 9 năm âm lịch), tổng số tiền đã trả là **950.000.000 đồng**, vượt số tiền đang nợ. Do đó, bà Ng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thanh T không thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2022/DS - ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ các điều 26, 227, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10 tháng 6 năm 2022, bị đơn Phạm Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý, xét xử vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án:* đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309, 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án sơ thẩm số 81/2022/DS - ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam theo hướng buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 500.000.000 đồng tiền nợ gốc, hủy một phần Bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần nợ lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về trả tiền lãi, bị đơn đồng ý việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử hủy một phần Bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trả tiền lãi đối với các giao dịch vay tiền ngày 14 tháng 02 năm 2018 và ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa bà Phạm Thị H và bà Cao Thị Song Ng; quyền khởi kiện lại của nguyên đơn đối với yêu cầu khởi kiện bị đình chỉ được đảm bảo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Thanh T theo quy định tại các điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn

[2.1 .Về thủ tục tố tụng: việc kháng cáo của nguyên đơn Phạm Thị H được thụ lý trong thời hạn, đúng điều kiện, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên kháng cáo của nguyên đơn Phạm Thị H là hợp pháp.

[2.2]. Về nội dung

[2.2.1]. Về các tình tiết, sự việc không phải chứng minh

Các bên đương sự thừa nhận việc thỏa thuận vay tiền là tự nguyện, giữa hai bên đã thực hiện nhiều lần vay tiền, trong đó bà Ng có 02 lần vay tiền của bà H bằng các giao dịch vay tiền ngày 14 tháng 02 năm 2018 (vay 400.000.000 đồng, hạn trả nợ 30 ngày) và ngày 01 tháng 11 năm 2018 (vay 500.000.000 đồng, hạn trả nợ là 15 ngày). Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác nhận bị đơn đã vay 16 lần, với số tiền 18,1 tỷ, đã trả 17,4 tỷ (trong đó có 9,8 tỷ có chứng từ); bị đơn thừa nhận tổng số 16 lần vay và số tiền 18,1 tỷ đã vay như nguyên đơn trình bày. Đây là các tình tiết, sự việc không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự và là cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2.2]. Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ 700.000.000 đồng trong tổng số 900.000.000 đồng đã vay theo các khoản vay ngày 14 tháng 02 năm 2018 và ngày 01 tháng 11 năm 2018 và xác định bị đơn đã trả 200.000.000 đồng tiền mặt cho các khoản vay này. Bị đơn cho rằng đã trả xong tất cả các khoản nợ, trong đó có 02 khoản nợ mà nguyên đơn kiện với tổng số tiền đã trả là 950.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

Thứ nhất, các bên thừa nhận giao dịch vay có lãi, bà Ng cho rằng vay tiền của bà H lãi suất 9%/tháng nhưng các giấy mượn tiền không thể hiện nội dung thỏa thuận về lãi và bà Ng không xuất trình được chứng cứ khác chứng minh. Theo đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để xác định các giao dịch vay tiền của bà H và bà Ng là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi; không có cơ sở để cho rằng lãi suất do hai bên thỏa thuận vượt mức pháp luật quy định.

Thứ hai, Hội đồng xét xử đã nhận định giao dịch vay tiền do hai bên lập ngày 14 tháng 02 năm 2018 và ngày 01 tháng 11 năm 2018 là tự nguyện, đúng pháp luật và được các bên thừa nhận nên các giao dịch vay tiền này có hiệu lực pháp luật, bên vay phải trả tiền cho bên cho vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thứ ba, nguyên đơn chỉ thừa nhận trừ khoản tiền bị đơn trả theo giấy viết tay 200.000.000 đồng vào cuối năm 2019 vào 02 khoản nợ đang khởi kiện. Nhưng phía bị đơn xuất trình chứng cứ trả tiền 200.000.000 đồng ngày 12 tháng 10 năm 2018 mà nguyên đơn chụp, chuyển qua zalo cho bị đơn kèm theo hình ảnh Giấy mượn tiền ngày 14 tháng 2 năm 2018. Căn nhắc thời điểm trả tiền 200.000.000 đồng, thời hạn thanh toán khoản vay do các bên thỏa thuận trong giấy vay tiền và mối liên quan, liên hệ của các chứng cứ, Hội đồng xét xử xác định có cơ sở để cho rằng số tiền 200.000.000 đồng mà phía bị đơn trả cho nguyên đơn ngày 12 tháng 10 năm 2018 (ngày 04 tháng 9 âm lịch) là số tiền thanh toán cho khoản vay ngày 14 tháng 02 năm 2018.

Thứ tư, bị đơn cho rằng đã trả xong các khoản nợ vay trong đó có 4 khoản nợ theo 4 chứng từ do nguyên đơn xuất trình. Tuy nhiên, các chứng từ trả nợ với tổng

số tiền đã trả 950.000.000 đồng mà bị đơn xuất trình không thể hiện cụ thể từng khoản tiền đã trả cho khoản nợ nào. Trong khi bị đơn thừa nhận đã nhiều lần vay với số tiền nhiều tỷ đồng như quan điểm của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm; thừa nhận ngoài việc chuyển khoản trả nợ thì có lúc trả tiền mặt nhưng không lấy lại giấy vay; thừa nhận việc nguyên đơn đánh chéo vào sổ theo dõi vay tiền do nguyên đơn lập là một hình thức xác nhận bị đơn đã trả xong nợ. Kiểm tra 15 chứng từ nguyên đơn photo từ sổ vay tiền (*từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 11 năm 2018*) thì có 11 chứng từ có đánh dấu chéo, 4 chứng từ không đánh dấu chéo (*trong đó có 02 chứng từ mà nguyên đơn sử dụng làm chứng cứ để khởi kiện thuộc vụ án*). Kiểm tra thời gian trả nợ của bị đơn thì thấy thời điểm bị đơn đã trả 950.000.000 đồng đều phát sinh sau khi các khoản tiền vay đã đến hạn trả. Mặt khác, bị đơn thừa nhận đã trực tiếp soạn các nội dung thể hiện trong zalo và nhắn cho nguyên đơn về việc xác nhận còn nợ 500.000.000 đồng (BL 78, 79, 81).

Thứ năm, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xuất trình chứng cứ trả nợ 400.000.000 đồng vào ngày 02 tháng 9 năm 2017. Do ngày trả nợ trong chứng cứ này xảy ra trước ngày xác lập các giao dịch vay do nguyên đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử không sử dụng làm chứng cứ chứng minh cho kết quả thanh toán tiền vay của bị đơn đối với hai khoản nợ đang giải quyết.

Các nhận định trên cho thấy: tổng số tiền bị đơn thừa nhận đã vay của nguyên đơn **nhiều hơn** số tiền bị đơn chứng minh đã trả và số tiền nguyên đơn khởi kiện cộng lại, tổng số tiền bị đơn **đã trả nhiều hơn tổng số tiền vay nguyên đơn khởi kiện**, việc **trả tiền không thể hiện cụ thể trả cho khoản nợ nào**, nên số tiền đã trả **950.000.000 đồng** được xem là kết quả **thanh toán chung cho tất cả các khoản tiền đã vay** từ ngày 28 tháng 6 năm 2017 đến ngày nguyên đơn khởi kiện; số nợ còn lại do không có chứng từ thanh toán nên sự thừa nhận của nguyên đơn tại văn bản trình bày ngày 12 tháng 10 năm 2022 và tại phiên tòa phúc thẩm là chứng cứ duy nhất chứng minh bị đơn đã trả nợ. Trong tổng số tiền bị đơn đã thanh toán, có chứng cứ để chứng minh bị đơn đã thanh toán **400.000.000 đồng** cho 02 khoản nợ vay ngày 14 tháng 02 năm 2018 và ngày 01 tháng 11 năm 2018; không có chứng cứ để chứng minh bị đơn đã thanh toán hết số tiền 500.000.000 đồng nợ vay còn lại của hai khoản vay này. Như vậy, bị đơn còn phải có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc cho nguyên đơn thuộc vụ án này là **500.000.000 đồng**.

[2.2.3]. Từ các nhận định [2.2.1], [2.2.2], Hội đồng xét xử kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng 950.000.000 đồng mà bị đơn đã thanh toán để xác định bị đơn đã trả hết nợ cho nguyên đơn đối với 02 khoản nợ mà nguyên đơn khởi kiện và dành quyền khởi kiện cho nguyên đơn đối với các khoản nợ khác (*nguyên đơn không kiện vì cho rằng bị đơn đã trả bằng chính chứng cứ bị đơn xuất trình trong vụ án*) là không có căn cứ pháp lý, không phù hợp với thực tế khách quan sự việc và không đảm bảo quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm và chứng cứ mới do nguyên đơn xuất trình thể hiện bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn 500.000.000 đồng tiền nợ vay theo các giao dịch mà nguyên đơn khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án sơ thẩm số 81/2022/DS - ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 500.000.000 đồng tiền nợ gốc.

[2.2.4]. Về án phí dân sự: do kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, các điều 299, 309, 311, 26, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 81/2022/DS - ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trả tiền lãi đối với các giao dịch vay tiền ngày 14 tháng 02 năm 2018 và ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa bà Phạm Thị H và bà Cao Thị Song Ng; quyền khởi kiện lại của nguyên đơn đối với yêu cầu khởi kiện bị đình chỉ được đảm bảo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2022/DS - ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Cao Thị Song Ng phải trả cho bà Phạm Thị H số tiền **500.000.000** đồng (*năm trăm triệu*) đồng, theo các giao dịch vay tiền ngày 14 tháng 02 năm 2018 và ngày 01 tháng 11 năm 2018. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả **200.000.000** (*hai trăm triệu*) đồng theo các giao dịch vay tiền ngày 14 tháng 02 năm 2018 và ngày 01 tháng 11 năm 2018.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị H phải chịu 10.000.000 (*mười triệu*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.163.000 đồng theo biên lai thu số 0001148 ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, trả lại cho bà Phạm Thị H số tiền 10.163.000 (*mười triệu một trăm sáu mươi ba nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai trên;

- Bà Cao Thị Song Ng phải chịu 24.000.000 (*hai mươi bốn triệu*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Phạm Thị H không chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị H 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009739 ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (*ngày 24 tháng 10 năm 2022*).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Tam Kỳ;
- Chi cục THADS thành phố Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Dũng